

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **124/2022/KDTM-ST**

Ngày: 16-9-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Ông Hồ Lê Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 9/2022/TLST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 513/2022/QĐSTXX-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 651/2022/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV Tài chính Ngân hàng A;

Địa chỉ: Số X đường Y, Phường Z, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền: bà Phan Thị Ng. – nhân viên (theo Giấy ủy quyền số 03/UQ-TGD.22 ngày 15/3/2022).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần S.;

Địa chỉ trụ sở: Số X1 đường Y1, phường Z1, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Hữu Tr. – Tổng giám đốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Đỗ Hữu Tr., sinh năm 1980 và bà Hứa Thị Ngọc T., sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Số X1 đường Y1, phường Z1, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa, bà Phan Thị Ng. có mặt; ông Đỗ Hữu Tr. và Hứa Thị Ngọc T. vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 26 tháng 01 năm 2022 và tại bản tự khai, các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Tài chính Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là Công ty A) do bà Phan Thị Ng. trình bày:

Công ty A cho Công ty Cổ phần S. (sau đây gọi tắt là Công ty S) thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 03.0519/HĐCTTC-STT ngày 10/7/2019, Phụ lục Hợp đồng cho thuê tài chính số 03.0519/HĐCTTC-STT/PL-01 ngày 12/7/2019 và Khế ước nhận nợ số 01-03.0519/HĐCTTC-STT ngày 15/7/2019.

Tài sản cho thuê là: 01 máy cắt CNC hiệu OHH, Model: T1725i; Xuất xứ: Trung Quốc; Năm sản xuất: 2018 - 2019; Số tiền giải ngân: 433.789.000 đồng. Lãi suất cho thuê trong hạn: 03 tháng đầu tiên: 10 %/năm; Từ tháng thứ 04 trở đi lãi suất cho thuê thay đổi 03 tháng/lần theo công thức: $LS\ 13T + 4\ \%/năm$ (trong đó: LS 13T là Lãi suất tiền gửi tiết kiệm đối với khách hàng cá nhân theo niêm yết của Ngân hàng A tại thời điểm xác định lãi suất cho thuê tài chính, loại tiền Việt Nam Đồng (VNĐ), kỳ hạn 13 tháng, lãi cuối kỳ, bậc 2 hoặc bậc có số dư cao hơn liền kề (nếu không có bậc 2). Lãi suất quá hạn: $150\% \times$ lãi suất trong hạn.

Về biện pháp đảm bảo: Hợp đồng cho thuê tài chính số 03.0519/HĐCTTC-STT ngày 10/7/2019 và Phụ lục Hợp đồng cho thuê tài chính số 03.0519/HĐCTTC-STT/PL-01 ngày 12/7/2019 của Công ty S tại Công ty A nêu trên được bảo đảm bằng Giấy cam kết cùng trả nợ của ông Đỗ Hữu Tr. và bà Hứa Thị Ngọc T.. Theo đó, ông Tr. và bà T. đồng ý cùng trả nợ cho Công ty S khi Công ty S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho A.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê cho A tính đến ngày 16/9/2022 là 176.377.749 đồng; trong đó nợ gốc là: 162.670.870 đồng; lãi trong hạn là: 12.144.829 đồng; lãi quá hạn là: 1.562.050 đồng.

Công ty A đề nghị Tòa án tuyên như sau:

+ Chấm dứt trước hạn Hợp đồng cho thuê tài chính số 03.0519/HĐCTTC-STT ngày 10/7/2019, Phụ lục Hợp đồng cho thuê tài chính số 03.0519/HĐCTTC-STT/PL-01 ngày 12/7/2019 giữa A và Công ty S.

+ Công ty S có nghĩa vụ phải trả cho Công ty A tổng số nợ tính đến ngày 16/9/2022 là 176.377.749 đồng; trong đó nợ gốc là: 162.670.870 đồng; lãi trong hạn là: 12.144.829 đồng; lãi quá hạn là: 1.562.050 đồng.

+ Trong trường hợp Công ty S không trả đầy đủ hoặc không có khả năng trả nợ toàn bộ số nợ trên thì ông Đỗ Hữu Tr. và bà Hứa Thị Ngọc T. có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty S số nợ tính đến ngày 16/9/2022 là 176.377.749 đồng; trong đó nợ gốc là: 162.670.870 đồng; lãi trong hạn là: 12.144.829 đồng; lãi quá hạn là: 1.562.050 đồng.

+ Công ty S phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng nêu trên kể từ ngày 17/9/2022 cho đến ngày Công ty S trả hết số nợ trên.

+ Thứ tự trả nợ: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn.

+ Phương thức và thời hạn thanh toán: Việc thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Công ty S phải trả lại cho Công ty A toàn bộ tài sản cho thuê tài chính để Công ty A xử lý nợ theo quy định.

+ Nếu số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản cho thuê tài chính không đủ để thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên cho Công ty A và các chi phí phát sinh liên quan đến việc thu hồi, xử lý tài sản cho thuê tài chính thì Công ty S, ông Đỗ Hữu Tr. và bà Hứa Thị Ngọc T. phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại theo đúng thỏa thuận.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty S, ông Đỗ Hữu Tr., bà Hứa Thị Ngọc T.: dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các Giấy triệu tập đương sự nhưng các đương sự không nộp cho Tòa án văn bản ghi nhận ý kiến cũng như vắng mặt tại tất cả các lần triệu tập của Tòa án mà không có lý do.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty A là bà Phan Thị Ng. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày như trên.

- Bị đơn Công ty S vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu Tr. và bà Hứa Thị Ngọc T. vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định quan hệ tranh chấp; xác định tư cách pháp lý; thu thập chứng cứ; thời gian tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử; Về Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 351; Điều 356; Điều 385; Điều 398; Điều 472; Điều 473; Điều 474; Điều 476; Điều 481; Điều 482; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; Điều 95; Điều 112 và Điều 113 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 20; Điều 21 và Điều 22 của Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, tuyên buộc:

Công ty S có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ cho Công ty A tính đến ngày 16/9/2022 là 176.377.749 đồng; trong đó nợ gốc là: 162.670.870 đồng; lãi trong hạn là: 12.144.829 đồng; lãi quá hạn là: 1.562.050 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thứ tự thanh toán: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn.

Trong trường hợp Công ty S không trả đầy đủ hoặc không có khả năng trả nợ toàn bộ số nợ trên thì ông Đỗ Hữu Tr. và bà Hứa Thị Ngọc T. có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty S số nợ tính đến ngày 16/9/2022 là 176.377.749 đồng; trong đó nợ gốc là: 162.670.870 đồng; lãi trong hạn là: 12.144.829 đồng; lãi quá hạn là: 1.562.050 đồng.

Công ty S phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng nêu trên kể từ ngày 17/9/2022 cho đến ngày Công ty S trả hết số nợ trên.

Công ty S phải trả lại cho Công ty A toàn bộ tài sản cho thuê tài chính để Công ty A xử lý nợ theo quy định.

Nếu số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản cho thuê tài chính không đủ để thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên cho Công ty A và các chi phí phát sinh liên quan đến việc thu hồi, xử lý tài sản cho thuê tài chính thì Công ty S, ông Đỗ Hữu Tr. và bà Hứa Thị Ngọc T. phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại theo đúng thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào Hợp đồng cho thuê tài chính số 03.0519/HĐCTTC-STT ngày 10/7/2019, Phụ lục Hợp đồng cho thuê tài chính số 03.0519/HĐCTTC-STT/PL-01 ngày 12/7/2019 và Khế ước nhận nợ số 01-03.0519/HĐCTTC-STT ngày 15/7/2019 được ký kết giữa Công ty A và Công ty S và Đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài chính” là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ xác minh của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty S có trụ sở tại Số X1 đường Y1, phường Z1, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Và theo xác minh của Công an phường Z1, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì: ông Đỗ Hữu Tr. và bà Hứa Thị Ngọc T. có hộ khẩu tại Số X1 đường Y1, phường Z1, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà đi đâu không rõ. Do bị đơn Công ty S có trụ sở tại phường Z1, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn – Công ty A do người đại diện theo ủy quyền là bà Phan Thị Ng. có mặt.

Bị đơn – Công ty S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu Tr. và bà Hứa Thị Ngọc T. đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171; Điều 177, Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay Công ty S, ông Đỗ Hữu Tr. và bà Hứa Thị Ngọc T. vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Công ty S, ông Đỗ Hữu Tr. và bà Hứa Thị Ngọc T..

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Xét Đơn khởi kiện; Hợp đồng cho thuê tài chính số 03.0519/HĐCTTC-STT ngày 10/7/2019, Phụ lục Hợp đồng cho thuê tài chính số 03.0519/HĐCTTC-STT/PL-01 ngày 12/7/2019 và Khế ước nhận nợ số 01-03.0519/HĐCTTC-STT ngày 15/7/2019 giữa Công ty A và Công ty S; Bảng chi tiết thanh toán; Bảng tính lãi; Sao kê giao dịch; Thư thông báo nợ gốc và lãi; Cam kết về việc cùng trả nợ; Điều lệ Công ty A; lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị Ng. cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở xác định: Công ty S đã ký hợp đồng thuê tài chính với Công ty A như trên. Ông Đỗ Hữu Tr. và bà Hứa Thị Ngọc T. cũng có cam kết trả nợ thay cho Công ty S.

[2.1] Về hình thức và nội dung hợp đồng:

Hội đồng xét xử xét thấy việc ký kết hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng và nội dung thỏa thuận phù hợp và không trái quy định pháp luật, có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 351; Điều 356; Điều 385; Điều 398; Điều 472; Điều 473; Điều 474; Điều 476; Điều 481; Điều 482; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; Điều 95; Điều 112 và Điều 113 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2] Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Do Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính, gây khó khăn cho nguyên đơn nên Công ty A đã ra thông báo chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn và khởi kiện yêu cầu Công ty S có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày ngày 16/9/2022 là 176.377.749 đồng; trong đó nợ gốc là: 162.670.870 đồng; lãi trong hạn là: 12.144.829 đồng; lãi quá hạn là: 1.562.050 đồng. Nguyên đơn còn yêu cầu Công ty S phải trả lại cho Công ty A toàn bộ tài sản cho thuê tài chính để Công ty A xử lý nợ theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 20; Điều 21 và Điều 22 của Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính.

[2.3] Về yêu cầu đòi với nợ lãi:

Nguyên đơn yêu cầu Công ty S phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng nêu trên kể từ ngày 17/9/2022 cho đến ngày Công ty S trả hết số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là có căn cứ nên chấp nhận theo quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.4] Về phương thức và thời hạn thanh toán:

Công ty A yêu cầu Công ty S thanh toán một lần toàn bộ số nợ trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 22 của Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Công ty S phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nguyên đơn Công ty A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 266; Điều

271; Điều 273; Điều Điều 278; Điều 280; Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 351; Điều 356; Điều 385; Điều 398; Điều 472; Điều 473; Điều 474; Điều 476; Điều 481; Điều 482; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91; Điều 95; Điều 112 và Điều 113 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Điều 20; Điều 21 và Điều 22 của Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính.

- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

- Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Tài chính Ngân hàng A.

[2] Buộc Công ty Cổ phần S. có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Tài chính Ngân hàng A tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 16/9/2022 là: 176.377.749 đồng; trong đó nợ gốc là: 162.670.870 đồng; lãi trong hạn là: 12.144.829 đồng; lãi quá hạn là: 1.562.050 đồng; theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 03.0519/HĐCTTC-STT ngày 10/7/2019 được ký kết giữa Công ty TNHH MTV Tài chính Ngân hàng A và Công ty Cổ phần S..

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về yêu cầu đòi với nợ lãi: Công ty Cổ phần S. phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng nêu trên kể từ ngày 17/9/2022 cho đến khi Công ty Cổ phần S. trả hết số nợ trên.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Phương thức và thời hạn thanh toán:

Công ty Cổ phần S. có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Tài chính Ngân hàng A một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thứ tự thanh toán: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn

[5] Trong trường hợp Công ty Cổ phần S. không trả đầy đủ hoặc không có khả năng trả nợ toàn bộ số nợ trên thì ông Đỗ Hữu Tr. và bà Hứa Thị Ngọc T. có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần S. số nợ tính đến ngày 16/9/2022 là: 176.377.749 đồng; trong đó nợ gốc là: 162.670.870 đồng; lãi trong hạn là: 12.144.829 đồng; lãi quá hạn là: 1.562.050 đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[6] Công ty Cổ phần S. phải trả lại cho Công ty TNHH MTV Tài chính Ngân hàng A tài sản cho thuê tài chính là: 01 máy cắt CNC hiệu OHH; model: T1725i; xuất xứ: Trung Quốc; năm sản xuất: 2018 – 2019, để Công ty A xử lý nợ theo quy định của hợp đồng nêu trên.

Nếu số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản cho thuê tài chính không đủ để thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên cho Công ty TNHH MTV Tài chính Ngân hàng A và các chi phí phát sinh liên quan đến việc thu hồi, xử lý tài sản cho thuê tài chính thì Công ty Cổ phần S., ông Đỗ Hữu Tr. và bà Hứa Thị Ngọc T. phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên và bản cam kết giữa Công ty TNHH MTV Tài chính Ngân hàng A với Công ty Cổ phần S., ông Đỗ Hữu Tr. và bà Hứa Thị Ngọc T..

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần S. phải chịu 8.818.887 (tám triệu tám trăm mười tám nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 4.877.828 (bốn triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi tám) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0035061 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty TNHH MTV Tài chính Ngân hàng A.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Lâm Đức Tài